

Light

# DANY OB

Guố c **hông ệt tinh** n ớ ghịch

Giày DANY m á y t h ă n g như ch ố n g tĩnh điệ n (ESD), đế giày có th i ế t k ế đ ặ c b i ệ t giày thoáng khí. Như n g đ ặ c t r ư n g n à y giúp các vấn đề v ề t ư th ế và hoàn hảo cho các v ậ n đ ộ n g v i ê n t r o n g l ĩ n h v ự c y t ế.

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | Lorica |
| ót bên trong i tái chế | lưới |
| trong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế) | |
| ngoài Đ | Phylon/cao su |
| i Loạ | OB / SRC, A, E, ESD |
| Phạm vi kích thước | EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0<br>JPN 21.5-31 / KOR 230-310 |
| ng lượng t hép | 0.235 kg |
| ẩn hiêu chu | ASTM F2892:2018<br>EN ISO 20347:2012 |







MUG



LBL



BLK



FUC



MUL



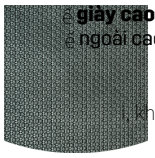
WHT



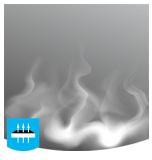
**Tay** cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ế ngoài bằng cao su Oxytraction hoàng loạt trên cả khô và ướt (SRA+ SRB).




X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa nguy cơ bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



**giày cao su**
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù tính ứng dụng: khả năng chống cắt năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả năng thích ứng và nhiều l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ c **giúp** bạn lâu hơn.



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên h giày chỉnh hình riêng mái thể thoả

**Công** nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** uố ạch g, **Làm** s c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
r ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

**Cac** hương **dân ba#o tri:**
éo dài t **giày**, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ chúng **cách** hàn **Không** trên lò s

K

| Sự **miêu** t ả | **EN ISO 20347** | ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q |
|---|---|---|
| Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn | | |
| **Top:** khả năng **tái** ch ế ớ | | |
| **Top:** h nuệ số ơ | ? 0.8 | 3.3 ờ mg/cm/g |
| **Top:** h nuệ số ơ | ? 15 | 28 mg/cm2 |
| **ót bên trong** i **tái** ch ế ớ | | |
| L ớp **lót:** ơ | ? 2 | 43.7 ờ mg/cm/g |
| **lót:** h nuệ số ơ | ? 20 | 350 mg/cm2 |
| **rong** Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế) | | |
| ệ m chân Đ ộ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t ) (chu kỳ) | 25600/12800 | 25600/12800 chu kỳ |
| **goài** Đ **Philon/cao su** | | |
| Ch ố n g trượt **mài mòn** ế ngoài ( | ? 150 | 129 mm |
| a đế **ngoài SRA** gót chân | ? 0.28 | 0.38 ma sát |
| a đế **ngoài SRA** Phẳ t g | ? 0.32 | 0.36 ma sát |
| a đế **ngoài SRB** gót chân | ? 0.13 | 0.17 ma sát |
| ặc đế **ngoài SRB** phẳn g | ? 0.18 | 0.24 ma sát |
| ị ch ố **Giá** t g tĩnh điệ n | 0.1 - 1000 | N/A megaohm |
| ị ESD **Giá** t | 0.1 - 100 | 80 megaohm |
| Hấp thụ **năng** l ượ g củ | ? 20 | 26 J |

kích thước thép: 38

a chúng tôi **Không** có **thay** và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không **văn** bản của chúng tôi.

**hân sinh** thái:

| Sự **miêu** t ả | ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q |
|---|---|
| i **CO2 hát** thả | |
| V ật l iệu | 1.69 kg |
| Bao bì | 0.10 kg |
| ất Sản x u | 1.90 kg |
| Chuyên ch ở | 0.26 kg |
| | **3.95 kg CO2/** cặp |

| Sự **miêu** t ả | ế t K q |
|---|---|
| ệ vật l Tiệ **tái** ch ế | |
| Product | 17% |
| Bao bì | 99% |

Tính toán CO2:
ị đ **Các** giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng **các** công cụ tính